

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83** /2018/DS-ST
Ngày 02/11/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tường**
2. Bà **Lê Thị Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Minh Ngọc** - Thư ký TAND thành phố
Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** Bà **Nông Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2017/TLST- DS, ngày 20 tháng 11 năm
2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
17/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị B**, sinh năm 1973

Trú tại: Tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt .

* *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1974

Trú tại: Tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 20/7/2016 bà Bùi Thị B có cho bà Trần Thị Kim
T (trú tại: tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh T) vay số tiền 10.000.000 đồng, hẹn một tháng
sau sẽ thanh toán đầy đủ. Đến hạn trả tiền bà T không trả tiền cho bà như đã thỏa thuận, bà
B đã đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng bà T luôn trốn tránh không gặp và không nghe điện
thoại. Từ ngày vay tiền đến nay bà T chưa trả cho bà B đồng nào cả lãi và gốc. Vì vậy ngày

02/11/2017, bà Bùi Thị B khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho bà số tiền gốc đã vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 20/8/2016 đến nay là 2.000.000đ, tổng cả gốc và lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 20/11/2017, bà Bùi Thị B đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim T phải trả cho bà 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 20/8/2016 (tạm tính đến ngày viết bản tự khai là 15 tháng) cụ thể: $10.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 15 tháng = 1.687.500đ$. Tổng cộng gốc và lãi là 11.687.500đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng, triệu tập (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc niêm yết theo quy định) bà Trần Thị Kim T đến Tòa án làm việc nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến gia đình bà T nhưng bà T không có nhà. Vì vậy, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Bùi Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim T trả cho chị số tiền gốc 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Bà Trần Thị Kim T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả cho bà số tiền gốc 10.000.000 đồng và lãi suất cơ bản theo quy định tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (gửi bảo đảm qua đường bưu điện, tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa, bà Bùi Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Trần Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về pháp luật áp dụng:

Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp, do vậy căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp) thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về quan hệ pháp luật:

Ngày 20/7/2016, bà Trần Thị Kim T vay số tiền 10.000.000 đồng của bà Bùi Thị B, bà T có viết giấy vay tiền cho bà B, không thỏa thuận lãi suất, hẹn một tháng sau sẽ thanh toán (tức là ngày 20/8/2016). Đến hạn bà T không trả tiền cho bà B, bà B đã nhiều lần tìm bà T để đòi tiền nhưng không gặp. Ngày 02/11/2017, bà Bùi Thị B khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Trần Thị Kim T hoàn trả cho bà số tiền gốc đã vay là 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 (quy định về Thời hiệu khởi kiện Hợp đồng dân sự) và khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (quy định về Thời hiệu khởi kiện) thì yêu cầu khởi kiện về Hợp đồng vay tài sản của bà B là đúng quy định pháp luật. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[4] Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thấy rằng: kèm theo đơn khởi kiện bà Bùi Thị B giao nộp cho Tòa án 01 giấy vay tiền (số tiền 10.000.000 đồng) ghi tên và ký tên người vay tiền Trần Thị Kim T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi/nhiệm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các Giấy báo cho bà T nhưng bà T không đến tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà B. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà B đã đề nghị thu thập chứng cứ là các chữ viết của bà T tại Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Tuyên Quang và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 20/7/2016 của bà Tiến. Tại Kết luận giám định số 401/GĐ-KTHS ngày 12/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ ký trên “Giấy vay tiền” ghi ngày 20/7/2016, mang tên Trần Thị Kim T, trú tại tổ 17, phường H, TP T với chữ viết, chữ ký trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN”, số 473959, ghi ngày 1/7/2016 mang tên Trần Thị Kim T (trừ phần chữ viết: Nốt ruồi C1,5cm dưới trước mép trái) là do cùng một người viết và ký. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu bà Trần Thị Kim T phải trả cho bà số tiền gốc là 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi của bà Bùi Thị B: Do bà Trần Thị Kim T vi phạm nghĩa vụ, chậm trả tiền cho bà B nên bà T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Do có tranh chấp về lãi suất, vì vậy lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 là lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, có hiệu lực từ ngày 01/12/2010 cho đến nay). Xét thấy: Ngày vi phạm hợp đồng là 20/8/2016 đến ngày 20/8/2018 là 02

năm, từ ngày 21/8/2018 đến ngày 02/11/2018 là 02 tháng 12 ngày. Vì vậy, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- $10.000.000\text{đồng} \times 9\% \times 02 \text{ năm} = 1.800.000\text{đồng}$.
- $9\%/\text{năm} (= 0,75\%/\text{tháng}) \times 10.000.000\text{đồng} = 75.000\text{đồng}/\text{tháng} = 2.500\text{đồng}/\text{ngày}$. Như vậy, tiền lãi của 02 tháng = 150.000đồng và của 12 ngày = 30.000đồng.

Tổng tiền lãi là $(1.800.000\text{đ} + 150.000\text{đ} + 30.000\text{đ}) = 1.980.000\text{đồng}$.

Cộng cả tiền gốc và tiền lãi bà Trần Thị Kim T phải trả cho bà Bùi Thị B là 11.980.000đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị B đã nộp chi phí giám định là 3.000.000 đồng, bà B yêu cầu bà T phải hoàn trả lại cho bà số tiền này. Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bùi Thị B số tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định.

[6] Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 147, 161, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị B.

- Buộc bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Bùi Thị B tổng số tiền 11.980.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*). Trong đó gồm 10.000.000đồng tiền gốc và 1.980.000đồng tiền lãi.

- Buộc bà Trần Thị Kim T phải chịu chi phí giám định và hoàn trả cho chị Bùi Thị B số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim T phải chịu 599.000 đồng (*Năm trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Bùi Thị B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số N⁰ 0004959 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Các đương sự: Chị Bùi Thị B và bà Trần Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thủy

